

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỐNG KÊ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thống kê số 138/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 71/2025/L-CTN ngày 12/12/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây viết gọn là Nghị quyết số 18-NQ/TW).

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới quy định: “*Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn*” (khoản 2 mục III).

- Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025.

- Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quy định: *“Kết thúc hoạt động của Thanh tra các bộ để sắp xếp, tổ chức lại thành các cục thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo lĩnh vực thuộc Thanh tra Chính phủ”*.

- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 quy định: *“Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp”* và *“Đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực”* (khoản 3.1 Điều 3).

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027”* (khoản 2 Điều 11).

- Nghị quyết số 270/NQ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ về đề xuất điều chỉnh, bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025 đối với 08 Luật do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo quy định: *“Đồng ý báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản số 475/TTr-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 đối với 08 dự án Luật do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo”*.

- Nghị quyết số 290/NQ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9/2025 (phiên thứ hai) quy định: *“Chính phủ cơ bản thống nhất về sự cần thiết xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; phù hợp với bối cảnh và tình hình thực tế, chức năng và nhiệm vụ của các bộ, cơ quan cũng như của Cục Thống kê sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; bảo đảm căn cứ chính trị, pháp lý và đáp ứng yêu cầu thực tiễn và các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn tới”* và giao *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV”*.

Như vậy, để phù hợp với chủ trương của Đảng và bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê theo thủ tục rút gọn là cấp thiết.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Thống kê đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của công tác thống kê. Luật Thống kê là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, là cơ sở pháp lý để thu thập, cung cấp thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, quy hoạch chính sách, quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Sau 10 năm thực hiện Luật Thống kê đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Một số quy định của Luật không còn phù hợp với thực tiễn và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể:

a) Về cơ quan quản lý nhà nước về thống kê

- Khoản 2 Điều 7 Luật Thống kê quy định: *“Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về thống kê”*.

- Khoản 2, khoản 3 Điều 62 Luật Thống kê quy định: *“Cơ quan thống kê trung ương trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư”*; *“Cơ quan thống kê trung ương là cơ quan thống kê quốc gia, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý nhà nước về thống kê, điều phối hoạt động thống kê, tổ chức các hoạt động thống kê và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho các tổ chức, cá nhân”*.

Tuy nhiên, thực hiện việc sắp xếp các cơ quan trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sáp nhập với Bộ Tài chính, do đó, Chính ban hành Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025), tại Điều 1 quy định Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thống kê và khoản 5 Điều 1 quy định Cục Thống kê là đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

b) Về hệ thống thông tin thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê và cơ cấu tổ chức

- Điều 12 Luật Thống kê quy định hệ thống thông tin thống kê nhà nước gồm hệ thống thông tin thống kê quốc gia, hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành, hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh và hệ thống thông tin thống kê cấp huyện.

- Điều 22 Luật Thống kê quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Khoản 4 Điều 62 Luật Thống kê quy định: “*Cơ quan thống kê địa phương gồm cơ quan thống kê cấp tỉnh và cơ quan thống kê cấp huyện*”.

Tuy nhiên, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 quy định: “*Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định*”. Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định Cục Thống kê tổ chức và hoạt động theo 03 cấp: Cục Thống kê (cấp trung ương); thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh) và thống kê cơ sở (cấp cơ sở). Do vậy, cần thiết phải sửa đổi quy định về hệ thống thông tin thống kê nhà nước, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện và cơ cấu tổ chức của hệ thống thống kê tập trung để phù hợp với quy định hiện hành.

c) Về thanh tra chuyên ngành thống kê

Khoản 1 Điều 8 Luật Thống kê quy định: “*Cơ quan thống kê trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê trong phạm vi cả nước*”.

Cơ quan thống kê tập trung tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan thống kê cấp tỉnh) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê tại địa phương”.

Tuy nhiên, theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 02 cấp ở trung ương và địa phương; kết thúc hoạt động của thanh tra bộ, ngành ở trung ương và sở, huyện tại địa phương. Điều 7 Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 quy định hệ thống các cơ quan thanh tra được tổ chức theo 2 cấp gồm: Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh, thành phố. Do vậy, Điều 8 Luật Thống kê cần thay thế bằng những quy định về kiểm tra chuyên ngành thống kê cho phù hợp.

d) Về ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong thời đại ngày nay. Đây là trọng tâm phát triển của các bộ, ngành, địa phương nói chung và ngành Thống kê nói riêng. Các cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành vẫn còn rời rạc, ít cập nhật, chưa tập trung thành một hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, gây khó khăn trong thu thập, xử lý, sử dụng và lưu trữ thông tin, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng báo cáo và công tác phổ biến, chia sẻ thông tin thống kê. Chính vì vậy, quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Thống kê sẽ theo hướng đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thống kê nhằm hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý, quản trị dữ liệu thống kê.

đ) Những vấn đề khác

Trong quá trình triển khai hoạt động thống kê, thực tiễn phát sinh một số vấn đề cần phải điều chỉnh và cần phải quy định trong Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Nhu cầu thông tin phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã: hệ thống thông tin thống kê cấp xã, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp xã, chế độ báo cáo thống kê cấp xã để bảo đảm thông tin thông suốt từ trung ương đến cấp xã.

- Một số thuật ngữ của pháp luật chuyên ngành liên quan đến Luật Thống kê đã thay đổi, vì vậy, cần phải cập nhật các thuật ngữ quy định tại Điều 3 của Luật Thống kê để phù hợp với thực tiễn.

- Một số quy định về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê tại Luật Thống kê cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Từ những căn cứ nêu trên, việc sửa đổi Luật Thống kê là rất cần thiết trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

- a) Thể chế hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến công tác thống kê, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy và phân công chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về thống kê;
- b) Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động thống kê;
- c) Bảo đảm cung cấp thông tin thống kê chính xác, khách quan, kịp thời, phản ánh đúng, đầy đủ tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ;
- d) Giúp phân tích, hoạch định và điều hành chính sách vĩ mô;
- đ) Bảo đảm yêu cầu so sánh quốc tế trong các lĩnh vực;
- e) Hiện đại hóa hoạt động thống kê gắn với chuyển đổi số.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- a) Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác thống kê, đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia;
- b) Phản ánh trung thực, khách quan, kịp thời tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV;
- c) Bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định tiên bộ, còn phù hợp của Luật Thống kê hiện hành; đồng thời khắc phục hạn chế, bất cập và bổ sung những quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước;
- d) Khẳng định và nâng cao vai trò của hoạt động thống kê, giá trị sử dụng thông tin thống kê nhà nước, bảo đảm phù hợp với thực tiễn thống kê Việt Nam và tiệm cận, gắn kết với các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc; tạo cơ sở so sánh quốc tế trong các lĩnh vực;
- đ) Xây dựng Luật theo hướng quy định khung, mang tính ổn định, lâu dài, còn những vấn đề có tính chất kỹ thuật, thay đổi thường xuyên theo thực tiễn giao Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết để bảo đảm tính linh hoạt, khả thi;
- e) Bảo đảm tính khả thi, hiệu lực và hiệu quả trong tổ chức thực hiện, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch, thuận lợi, giảm chồng chéo, trùng lặp, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục của Luật

Luật gồm 02 điều:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê.
- Điều 2. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Luật

- Luật sửa đổi 24 điều (Điều 3, 8, 14, 15, 16, 19, 20, 22, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 40, 42, 43, 51, 53, 54, 62)
- Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 44 và khoản 5 Điều 62.
- Bỏ, thay thế một số cụm từ như sau:
 - + Bỏ cụm từ “, cấp huyện” tại điểm d khoản 2 Điều 48, khoản 3 Điều 50, khoản 3 Điều 52 và khoản 2 Điều 59;
 - + Thay thế cụm từ “cấp huyện” thành “cấp xã” tại khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13 và khoản 1 Điều 42;
 - + Thay thế cụm từ “cấp huyện” thành “cơ sở” tại khoản 4 Điều 62;
 - + Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 13, khoản 6 Điều 17, khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 50, khoản 3 Điều 52, khoản 3 Điều 60 và khoản 2 Điều 62.

2.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Luật tập trung sửa đổi những nội dung sau:

(1) Nhóm các quy định liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức thống kê nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế 15 điều của Luật Thống kê (chủ yếu liên quan đến điều chỉnh tên gọi của các cơ quan, đơn vị), cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Luật Thống kê:
 - + Khoản 5 Điều 3, bỏ cụm từ “của bộ”, thêm từ “chuyên”, cụ thể sửa lại thành: “5. Cơ sở dữ liệu thống kê là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để, khai thác, quản lý và cập nhật phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê

và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.” để phù hợp với quy định của Luật dữ liệu.

+ Khoản 8 Điều 3, thay từ “lần” bằng từ “cuộc”, cụ thể sửa lại thành: “8. Điều tra thống kê là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi cuộc điều tra.” để phù hợp với thực tiễn hoạt động thống kê, vì mỗi cuộc điều tra có thể gồm nhiều kỳ điều tra (lần).

+ Khoản 9 Điều 3, bổ sung cụm từ “hướng dẫn”, sửa thành: 9. Điều tra viên thống kê là người được cơ quan, tổ chức tiến hành điều tra thống kê trung tập, huy động để thực hiện, hướng dẫn việc thu thập thông tin của cuộc điều tra thống kê” để phù hợp với quy định tại Điều 34 của Luật này

+ Khoản 11 Điều 3, bổ sung cụm từ “đánh giá chất lượng”, sửa thành: “11. Hoạt động thống kê là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập; chuẩn bị thu thập; thu thập; xử lý và tổng hợp; phân tích và dự báo; công bố; phổ biến và lưu trữ; đánh giá chất lượng thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.” để phù hợp với thông lệ quốc tế, theo đó nội dung liên quan đến đánh giá chất lượng thông tin thống kê là một giai đoạn của hoạt động thống kê.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 14. Hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành: Bổ sung từ “Tòa án nhân dân cấp cao”, “Viện kiểm sát nhân dân cấp cao” và bổ sung tòa án nhân dân khu vực và viện kiểm sát nhân dân khu vực để thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Đồng thời bổ sung cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để phản ánh toàn diện và đầy đủ nguồn thông tin hình thành nên hệ thống thông tin thống kê bộ, ngành.

+ Sửa đổi “Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện” của Luật Thống kê bằng “Điều 16. Hệ thống thông tin thống kê cấp xã” để phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp.

(2) Nhóm các quy định liên quan đến thanh tra chuyên ngành thống kê, kiểm tra chuyên ngành thống kê

Luật điều chỉnh, sửa đổi, thay thế 03 điều của Luật Thống kê (Điều 8, Điều 33), cụ thể:

- Thay thế “Điều 8. Thanh tra chuyên ngành thống kê” bằng “Điều 8. Kiểm tra chuyên ngành thống kê” để phù hợp với Kết luận số 134-KL/TW ngày

28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và Luật Thanh tra năm 2025.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 33 thành “c) *Chịu sự kiểm tra của cơ quan tiến hành điều tra thống kê về thông tin đã cung cấp.*”.

(3) *Nhóm liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ thống kê phát sinh trong thực tiễn*

Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của Luật Thống kê, cụ thể:

- Điều 5. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Dữ liệu năm 2024.

- Điều 19. Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành: sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự thống nhất, liên thông giữa hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; mở rộng phạm vi và xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể cung cấp thông tin thống kê ở cả trung ương và địa phương, cũng như trong lĩnh vực tư pháp, kiểm toán; đồng thời, bổ sung hệ thống chỉ tiêu liên quan nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, liên kết vùng để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Quy định này khắc phục những bất cập trong thực tiễn, bảo đảm tính đầy đủ, toàn diện, tránh chồng chéo, manh mún, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xây dựng hệ thống thông tin thống kê hiện đại, thống nhất, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho hoạch định chiến lược, chính sách và so sánh quốc tế.

- Điều 20. Thẩm định hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành; Điều 26. Thẩm định phân loại thống kê ngành, lĩnh vực; Điều 32. Thẩm định phương án điều tra thống kê; Điều 43. Thẩm định chế độ báo cáo thống kê cấp bộ, ngành: Điều chỉnh rút ngắn thời hạn thẩm định từ 20 ngày còn 10 ngày để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần đẩy nhanh quá trình ra quyết định, đồng thời nâng cao hiệu quả, chất lượng và tính kịp thời của hoạt động thống kê phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Điều 27. Các loại điều tra thống kê: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 14 Điều 1, sửa đổi, bổ sung Điều 30.

- Điều 30. Điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia: Bổ sung quy định tổng điều tra thống kê quốc gia khác là điều tra thống kê ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia nhằm quy định rõ ràng, tách bạch tổng điều tra thống kê quốc gia trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Đây là loại điều tra có quy mô lớn, phạm vi rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực và cần sự chỉ đạo tập trung, thống nhất từ trung ương. Quy định này vừa bảo đảm tính minh bạch, dễ theo dõi trong quá trình tổ chức thực hiện, vừa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ

đề các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn lực và phối hợp triển khai hiệu quả các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành vĩ mô, hoạch định chính sách và so sánh quốc tế.

- Điều 31. Phương án điều tra thống kê: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn. Theo đó, việc bổ sung “thời kỳ” và “thời gian thu thập thông tin” giúp xác định rõ phạm vi, chu kỳ và khoảng thời gian tiến hành điều tra, bảo đảm tính chính xác, kịp thời của thông tin thống kê. Đồng thời, việc sửa đổi quy định về “quy trình xử lý thông tin, tổng hợp kết quả” thay cho cách diễn đạt trước đây chỉ dừng ở “quy trình xử lý” sẽ phản ánh đầy đủ các bước trong chuỗi xử lý dữ liệu điều tra, từ thu thập đến tổng hợp và biểu diễn ra. Quy định này góp phần nâng cao tính minh bạch, khoa học và hiệu quả trong tổ chức các cuộc điều tra thống kê, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn hóa, hiện đại hóa công tác thống kê, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành trong giai đoạn mới.

- Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của điều tra viên thống kê: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với hình thức thu thập thông tin qua webform. Đồng thời, quy định này góp phần nâng cao trách nhiệm, vai trò chủ động của điều tra viên trong việc bảo đảm chất lượng, tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin điều tra; tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin, qua đó nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của các cuộc điều tra thống kê.

- Điều 40. Chế độ báo cáo thống kê: Bổ sung chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã để bảo đảm thu thập thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã và phù hợp với quy định của Điều 22 (Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã) của Luật.

- Điều 53. Sử dụng cơ sở dữ liệu thống kê do cơ quan thống kê trung ương quản lý: Bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 51b (Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia) của Luật.

- Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung: Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

- Điều 64. Hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã: Sửa đổi, bổ sung để phản ánh đầy đủ hoạt động thống kê tại đơn vị hành chính cấp xã.

(4) Nhóm các quy định liên quan đến ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê nhà nước

Luật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung:

- Sửa đổi tên chương V từ: “Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin - truyền thông và hợp tác quốc tế trong hoạt động

thống kê nhà nước” thành “Chương V. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê, công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế trong hoạt động thống kê nhà nước”;

- Sửa đổi tên Điều 51 từ: *“Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông”* thành *“Phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số”*;

- Bổ sung 01 điều (Điều 51q. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia) để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Nội dung bổ sung

Luật bổ sung 02 điều so với Luật Thống kê, cụ thể:

- Bổ sung Điều 42a. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã để bảo đảm thu thập thông tin thống kê phục vụ quản lý, điều hành ở cấp xã (chế độ báo cáo là hình thức thu thập thông tin thống kê) và phù hợp với quy định của Điều 22 (Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã) Luật Thống kê.

“Điều 42a. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã

1. Chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã và tổng hợp các thông tin thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý trên địa bàn.

2. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã gồm:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu vực; cơ quan thống kê cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan thuế cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cơ sở; cơ quan khác trên địa bàn cấp xã;

b) Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ báo cáo thống kê cấp tỉnh, cấp xã.”

- Bổ sung Điều 51a. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia nhằm: (i) Thể chế hóa kịp thời các chủ trương lớn tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc hình thành, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; (ii) Xây dựng một nền tảng dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất, đồng bộ, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách, giám sát và đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội; (iii) Khắc phục tình trạng dữ liệu phân tán, manh mún ở nhiều bộ, ngành, địa phương; tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Cụ thể như sau:

“Điều 51a. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

1. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia là tập hợp các dữ liệu thống kê, thông tin thống kê, thông tin thống kê từ các cơ sở dữ liệu liên quan trên phạm vi toàn quốc được kết nối, tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, cập nhật, quản lý tập trung và vận hành thống nhất.

2. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia do cơ quan thống kê trung ương chủ trì xây dựng, quản lý và cập nhật; bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu thống kê được phân công.

3. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được cập nhật định kỳ từ các nguồn: điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê, dữ liệu hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, địa phương và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác; bảo đảm tính chuẩn hóa, thống nhất, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

4. Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia. Khi kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật.”.

Quy định nêu trên không chỉ tạo hành lang pháp lý quan trọng để hiện thực hóa các chủ trương lớn về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm minh bạch thông tin, đồng thời phục vụ hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thống kê.

3.3. Nội dung lược bỏ

Của Luật lược bỏ những quy định sau:

- Thanh tra chuyên ngành thống kê tại Điều 8 Luật Thống kê để phù hợp với Luật Thanh tra (không quy định về thanh tra chuyên ngành).

- Hệ thống thông tin thống kê cấp huyện tại Điều 16 Luật Thống kê, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện tại Điều 22 Luật Thống kê để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

3.4. Nội dung phân quyền, phân cấp

(1) Về phân quyền trong lĩnh vực thống kê

Thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, của Luật sửa đổi, bổ sung 03 điều (Điều 28, Điều 29 và Điều 62) nhằm điều chỉnh, phân định rõ thẩm quyền giữa Thủ tướng Chính phủ và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của từng cơ quan trong lĩnh vực thống kê. Đồng thời, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để Bộ Tài chính (cơ quan được giao quản lý nhà nước về thống kê) chủ động, kịp thời trong việc quyết định, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tổng điều tra, chương trình điều tra và tổ chức hệ thống thống kê tập trung.

Theo đó, của Luật quy định như sau:

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quyết định tiến hành tổng điều tra thống kê quốc gia quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29.

- Điều 29. Tổng điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước trong (1) thực hiện tổng điều tra quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và (2) quyết định điều chỉnh, bổ sung tổng điều tra thống kê quốc gia được phân công thực hiện.

- Điều 62. Hệ thống tổ chức thống kê tập trung: Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính trong quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của hệ thống tổ chức thống kê tập trung.

(2) Về phân cấp trong lĩnh vực thống kê

Nhóm này sửa đổi, bổ sung 02 điều (Điều 28 và Điều 50) Luật đã sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Luật Thống kê như sau:

- Điều 28. Chương trình điều tra thống kê quốc gia: Điều chỉnh thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương trong việc quyết định tiến hành điều tra đối với các cuộc điều tra thống kê phân công Bộ Tài chính thực hiện trong chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Điều 50. Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến: Điều chỉnh thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính và phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan thống kê trung ương trong việc tổ chức, điều phối hoạt động nghiên cứu, ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến trong hoạt động thống kê nhà nước.

Những nội dung phân quyền, phân cấp nêu trên đã được quy định tại Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê. Để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và thống nhất trong quá trình thực hiện các nội dung này cần được quy định tại của Luật.

4. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (ĐXDũng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG